TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 08/3/2023
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Văn Lĩnh.

2/ Ông Nguyễn Văn Bạch.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Tiểu Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 08 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 593/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2022 về "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17/02/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Ngọc P, sinh năm 1985 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số ấp K, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1980 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Ngọc P trình bày:

Tôi và anh Nguyễn Tấn Đ quen biết nhau, tìm hiểu khoảng 02 năm thì tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Tiền

Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 50/2005, quyển số 01 ngày 04/5/2005. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng ổn định, đến khoảng năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, đến năm 2017 thì mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng nên tôi về Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống cùng cha mẹ ruột tôi. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đquen với người phụ nữ khác, hiện nay anh Đđã sinh sống với người phụ nữ khác, gia đình anh Đđều biết sự việc này. Từ năm 2017 đến nay tôi và anh Đsống ly thân nhau, không liên lạc gì với nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Mai Q, sinh ngày 04/01/2006 và Nguyễn Ngọc Thúy V, sinh ngày 01/09/2008. Do từ lúc chúng tôi ly thân đến nay hai con chung do tôi trực tiếp nuôi dưỡng nên khi ly hôn tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh Đcấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 17/02/2023 bị đơn anh Nguyễn Tấn Đ trình bày:

Trong quá trình sống chung vợ chồng có mâu thuẫn nên ít nói chuyện với nhau, sau đó chị Pđi đăng ký hợp tác lao động ở Nhật Bản 04 năm, tôi có liên hệ với vợ nhiều lần nhưng không được, sau đó chị Pnhắn với em vợ tôi kêu tôi lấy vợ khác đừng chờ chị Pnữa. Nay chị Pyêu cầu ly hôn tôi đồng ý với chị P.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Mai Q, sinh ngày 04/01/2006 và Nguyễn Ngọc Thúy V, sinh ngày 01/09/2008, ly hôn tôi đồng ý giao hai con chung cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, tôi không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tôi xin vắng mặt tại các phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Pvà Anh Đcó đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị P, anh Đ.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Theo đơn khởi kiện, chị Trần Ngọc P yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Tấn Đ, yêu cầu

được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và cấp dưỡng nuôi con chung nên xác định quan hệ pháp luật là "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn Anh Đcó nơi cư trú tại xã Phú An, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị P và anh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 50/2005, quyển số 01 ngày 04/5/2005 nên quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Chị Ptrình bày mâu thuẫn vợ chồng anh chị bắt đầu phát sinh từ năm 2015 đến năm 2017 thì mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng nên chị về Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống cùng cha mẹ ruột. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đquen và sinh sống với người phụ nữ khác. Từ năm 2017 đến nay anh chị sống ly thân, không liên lạc gì với nhau.

Anh Đcũng thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, sau đó chị Pđi hợp tác lao động tại Nhật Bản, anh không liên lạc được với chị P. Nay chị Pyêu cầu ly hôn Anh Đcũng đồng ý ly hôn với chị P.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị Pvà Anh Đđã phát sinh trong thời gian dài, chị Pvà Anh Đđều có ý kiến được ly hôn, điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân của chị Pvà Anh Đđã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu ly hôn của chị Plà có căn cứ, được chấp nhận.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống Chị Pvà Anh Đcó hai con chung là cháu Nguyễn Thị Mai Q, sinh ngày 04/01/2006 và Nguyễn Ngọc Thúy V, sinh ngày 01/09/2008. Chị Pyêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung do từ trước đến nay hai con chung do chị trực tiếp nuôi dưỡng, Anh Đcũng đồng ý giao hai cho chung cho chị Ptiếp tục nuôi dưỡng. Ngoài ra tại bản tự khai cháu Q và cháu V cũng có nguyện vọng mong muốn được tiếp tục sống chung với chị P. Do đó để đảm bảo môi trường sống ổn định cho hai con chung cần tiếp tục giao cháu Q và cháu V cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng.

[5] Về mức cấp dưỡng nuôi con chung: Tại đơn khởi kiện chị P yêu cầu Anh Đcấp dưỡng nuôi con chung với mức 2.000.000 đồng/tháng/con chung cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, tại giai đoạn hòa giải chị Prút lại yêu cầu về cấp dưỡng, không yêu cầu Anh Đcấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy đây là sự tự nguyện của chị P nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Pvà Anh Đkhông yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Pphải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu cấp dưỡng của chị Trần Ngọc P.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Ngọc P.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Ngọc P được ly hôn với anh Nguyễn Tấn Đ.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Mai Q, sinh ngày 04/01/2006 và cháu Nguyễn Ngọc Thúy V, sinh ngày 01/09/2008 cho Chị Ptrực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Đchưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do Chị Pchưa yêu cầu.

Anh Đcó quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Pphải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí Chị Pđã nộp theo biên lai thu số 0016811 ngày 21/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang nên Chị Pđã thi hành xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị P, anh Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã Phú An, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Giang